



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

TỔNG QUAN

NGÀNH CHẾ BIẾN LÂM SẢN VIỆT NAM



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

TỔNG QUAN VỀ NGÀNH CÔNG
NGHIỆP CHẾ BIẾN LÂM SẢN

XUẤT KHẨU LÂM SẢN

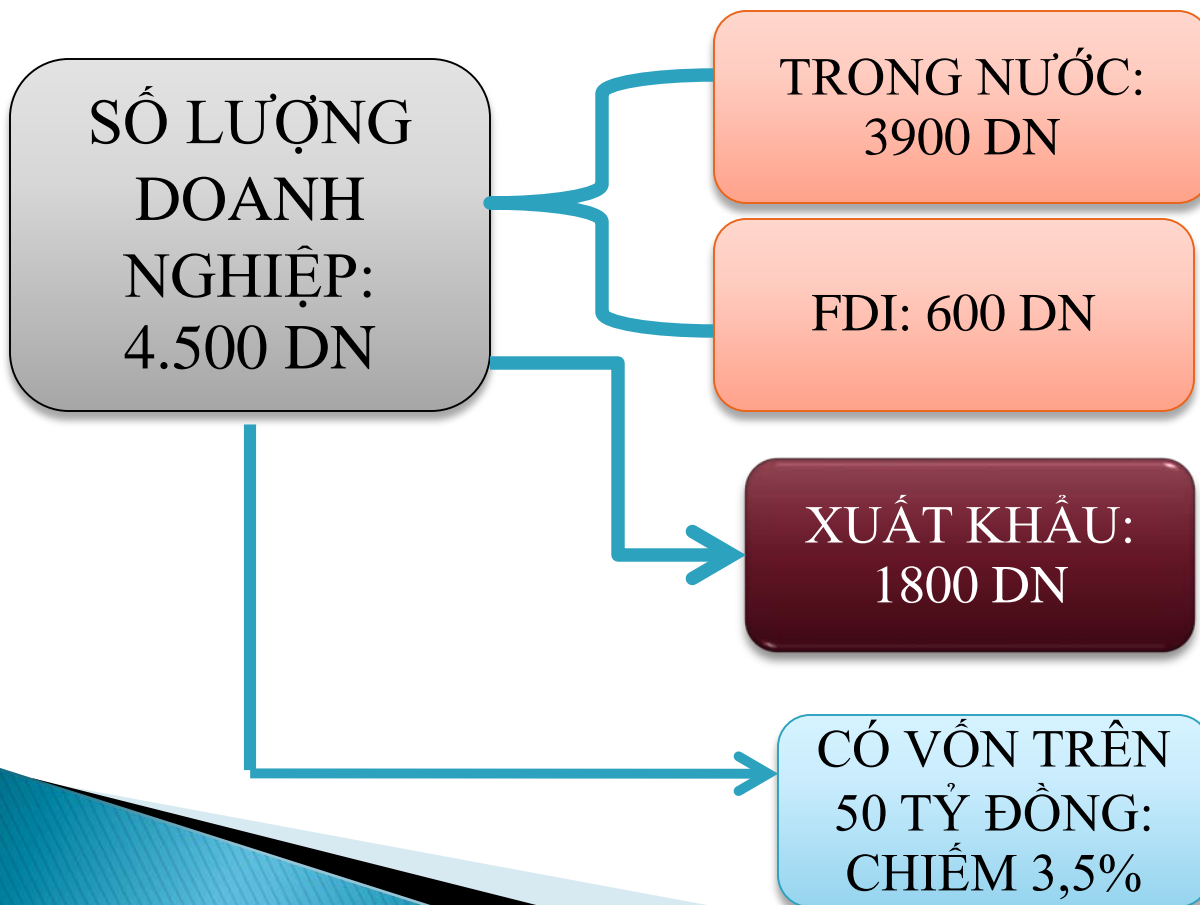
NHẬP KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM
GỖ



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

I. TỔNG QUAN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LÂM SẢN





TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

I. TỔNG QUAN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LÂM SẢN

CÔNG NGHỆ

Nhiều doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng các loại thiết bị máy móc, sản phẩm phụ trợ thay thế hàng nhập khẩu như

- Hệ thống máy móc thiết bị ép, bào, phân loại gỗ,
- Sơn, keo, vật liệu trang trí bề mặt, vật liệu gắn kết cấu kiện sản phẩm, bao bì đóng gói sản phẩm.



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

I. TỔNG QUAN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LÂM SẢN

**LAO ĐỘNG:
KHOẢNG 500.000
LAO ĐỘNG**

**ĐƯỢC ĐÀO TẠO CÓ VIỆC LÀM
ỔN ĐỊNH:
chiếm 55-60%**

**CHƯA QUA ĐÀO TẠO:
chiếm 40- 45-%**



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

I. TỔNG QUAN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ

LƯỢNG GỖ
NGUYÊN LIỆU SỬ
DỤNG 2018:
35 TRIỆU M³

TRONG NƯỚC:
27 TRIỆU M³

NHẬP KHẨU: 8
TRIỆU M³

RỪNG TRỒNG TẬP
TRUNG: 18,5 TRIỆU
M³

CAO SU, VƯỜN NHÀ,
PHÂN TÁN: 8,5 TRIỆU
M³



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

II. XUẤT KHẨU LÂM SẢN

KẾT QUẢ XUẤT KHẨU

NĂM 2017:
8,03 TỶ USD

GỖ VÀ SP GỖ:
7,66 TỶ USD

LÂM SẢN NGOÀI
GỖ: 0,37 TỶ USD

NĂM 2018:
9,38 TỶ USD

GỖ VÀ SP GỖ:
8,91 TỶ USD

LÂM SẢN NGOÀI
GỖ: 0,473 TỶ USD

2 THÁNG 2019:
1,472 tỷ USD

GỖ VÀ SP GỖ:
1,378 tỷ USD

LÂM SẢN NGOÀI
GỖ: 0,086 TỶ USD

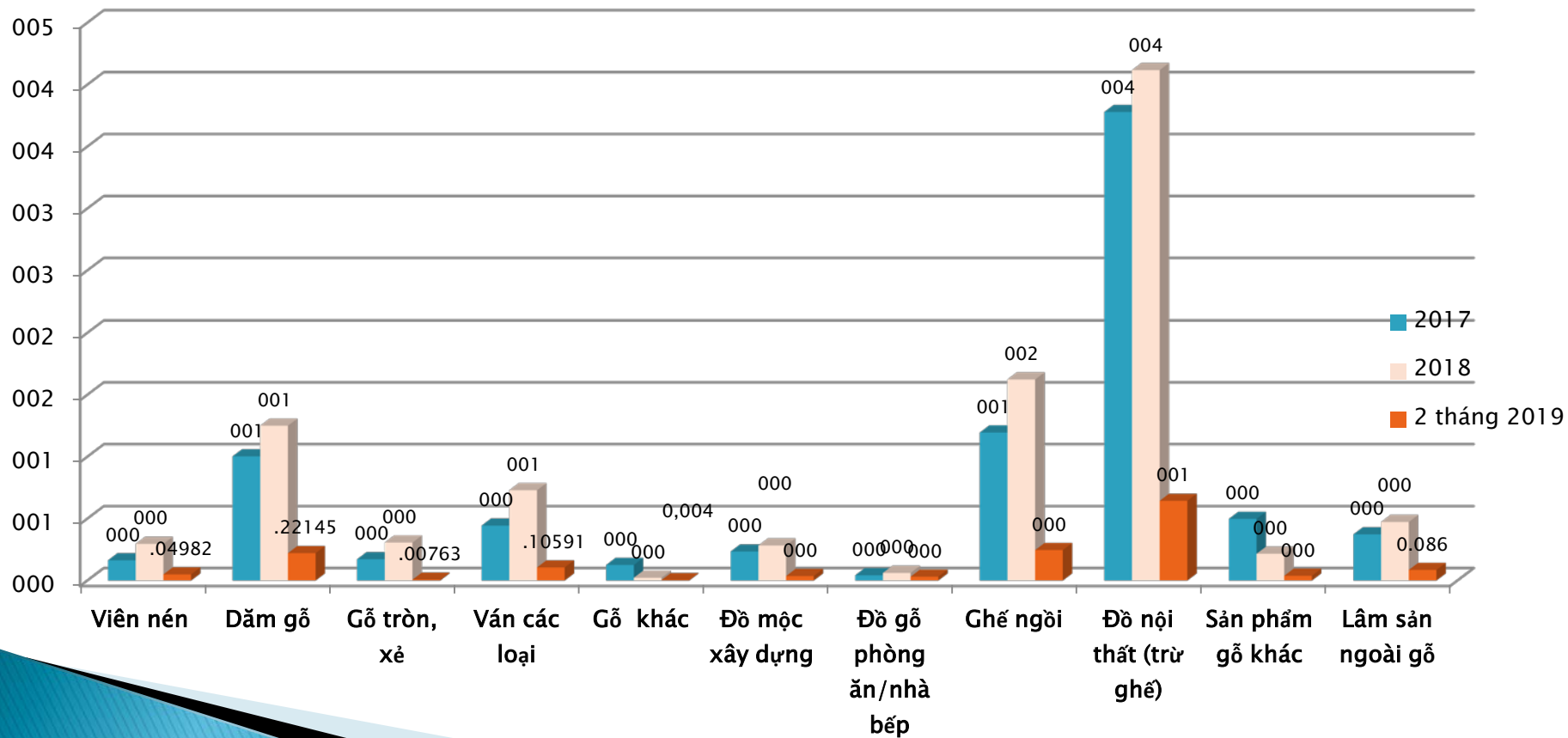


TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU LÂM SẢN TỪ 2017- THÁNG 2/2019

Đơn vị tính: tỷ USD



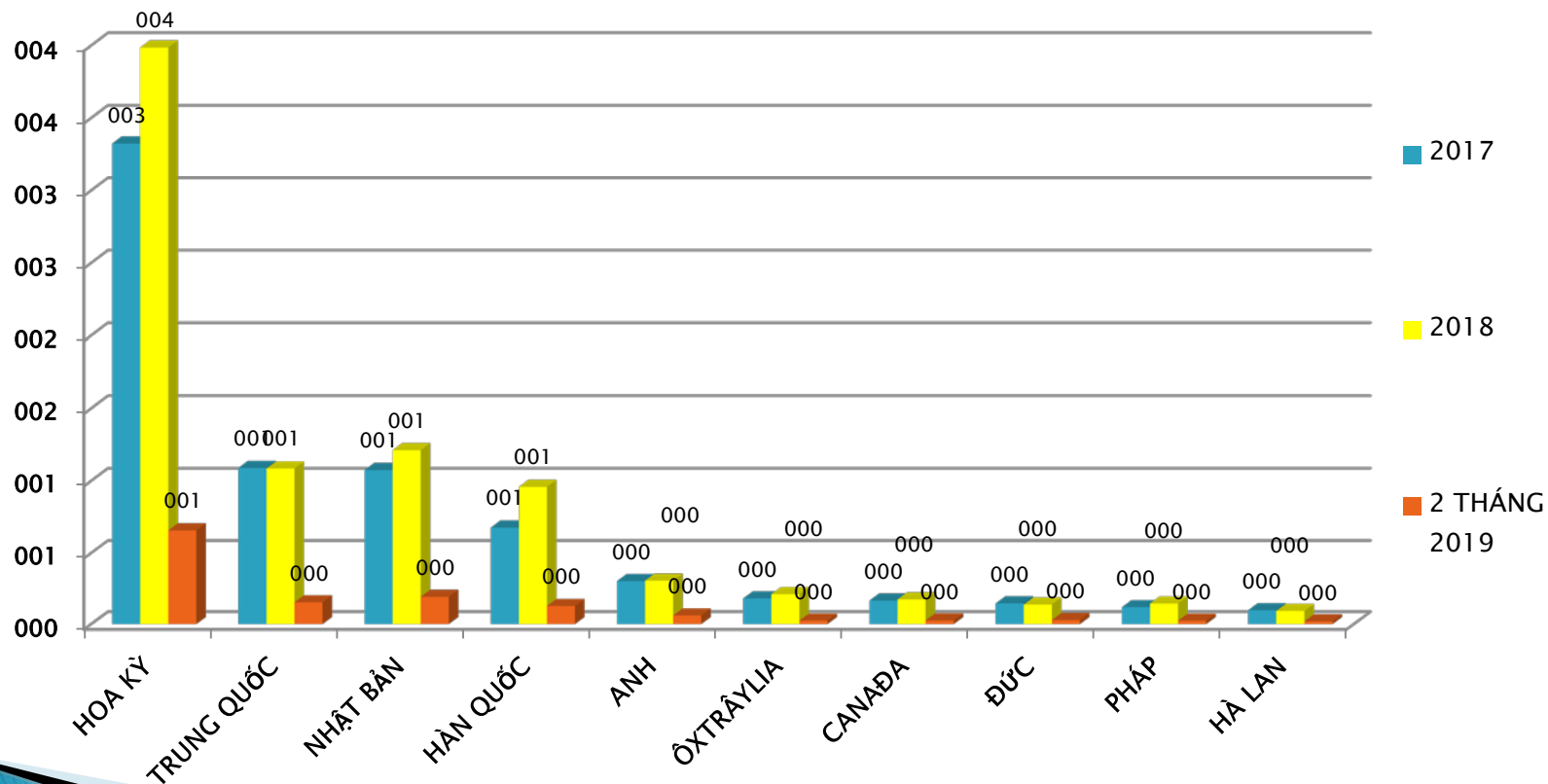


TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU LÂM SẢN VIỆT NAM TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHÍNH 2017-2/2019

Đơn vị tính: tỷ USD



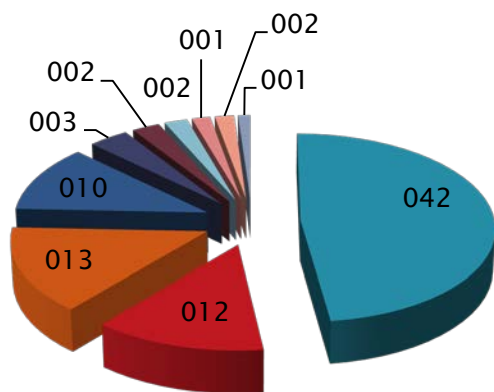


TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

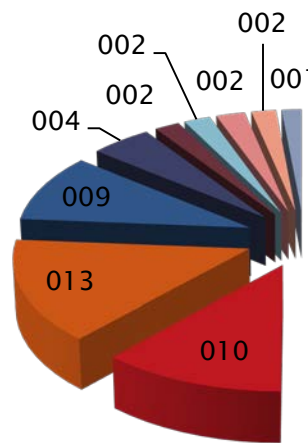
VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

THỊ PHẦN XUẤT KHẨU LÂM SẢN MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG 2018-THÁNG 2/2019

Đơn vị tính: %



2018



2 THÁNG 2019





TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

II. NHẬP KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

NĂM 2017: 2,18 TỶ USD

NĂM 2018: 2,32 TỶ USD, TĂNG
6,07% SO VỚI 2017

2 THÁNG 2019: 0,37 TỶ USD, TĂNG
8,02% SO VỚI CÙNG KỲ 2018

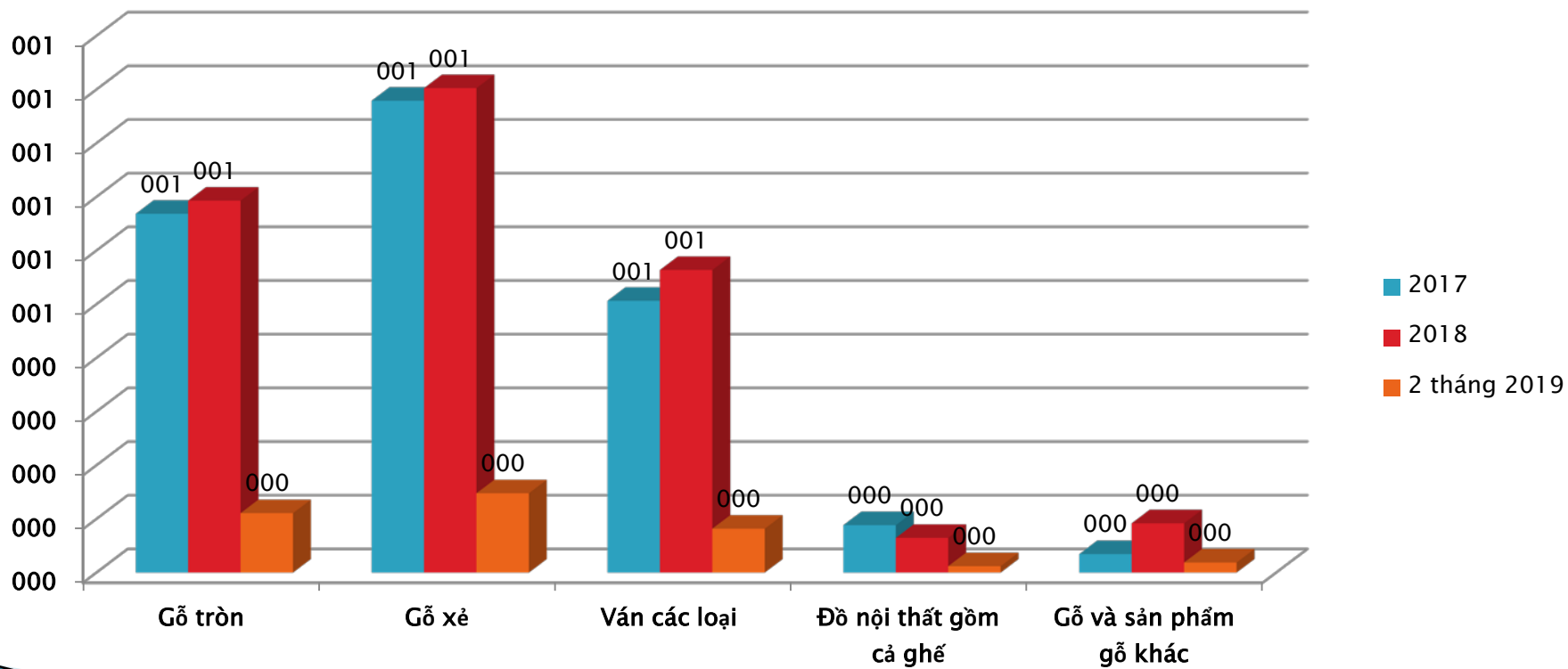


TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ VIỆT NAM 2017- 2/2019

Đơn vị tính: tỷ USD



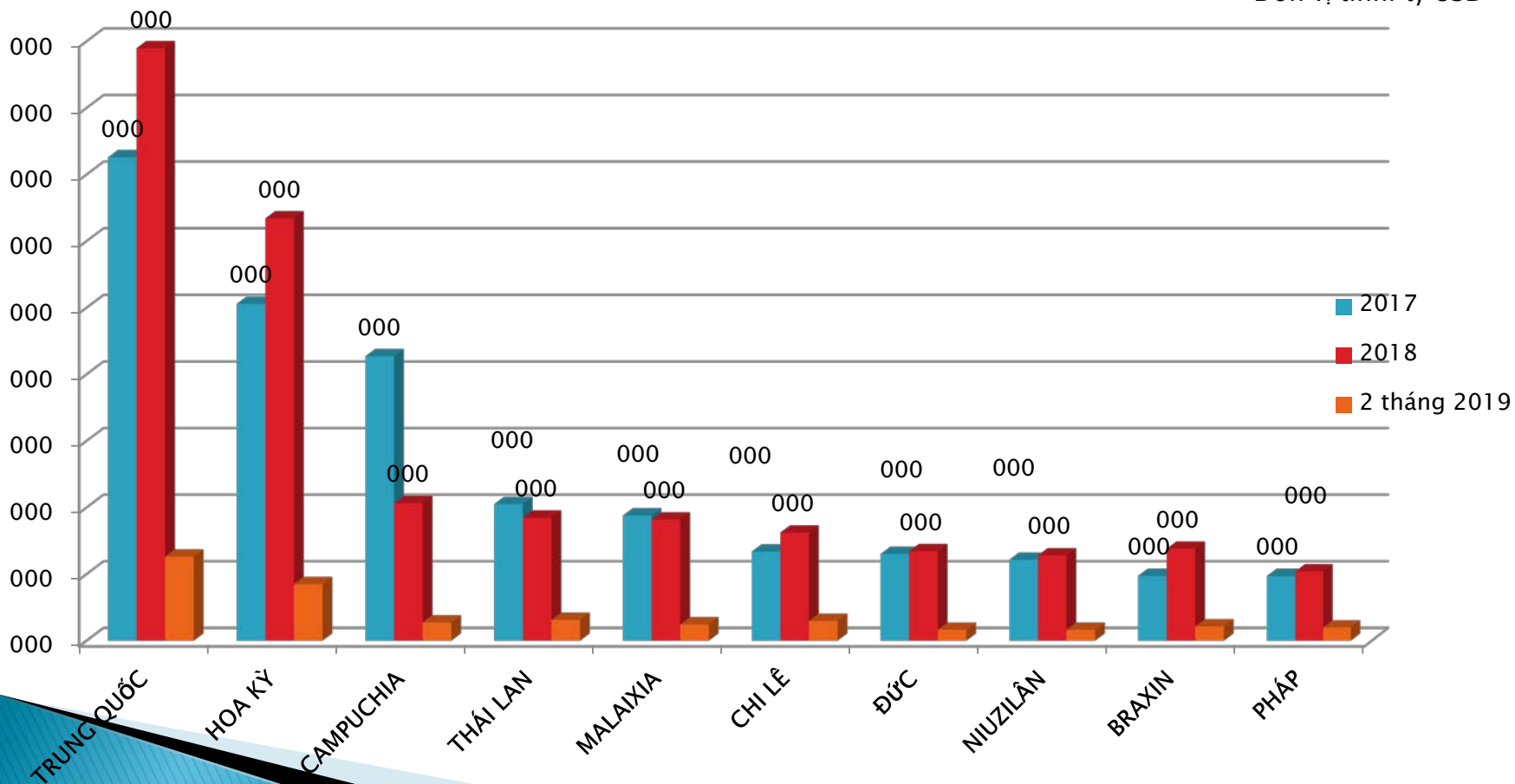


TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ VIỆT NAM TỪ MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHÍNH 2017- 2/2019

Đơn vị tính: tỷ USD





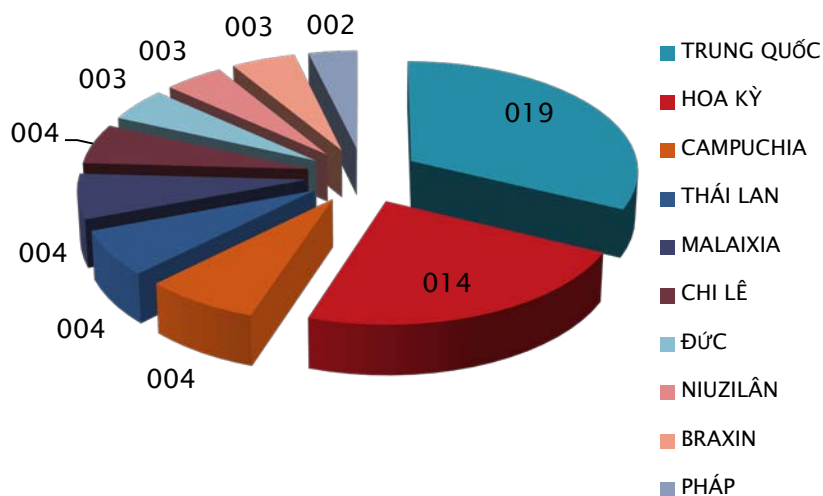
TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

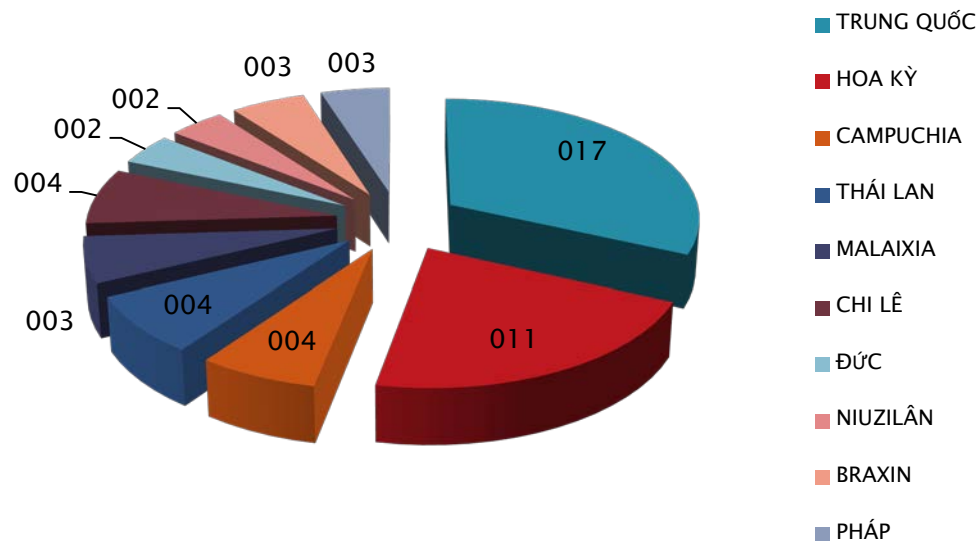
THỊ PHẦN NHẬP KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ CỦA MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG

Đơn vị tính: %

2018



2 tháng 2019





TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ 2 THÁNG 2019/2018 CỦA MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG

- + Trung quốc: 63,1 triệu USD, tăng 11,49%
- + Hoa Kỳ: 42,52 triệu USD tăng 1,75 %
- + Thái Lan: 15,59 triệu USD;
- + Chi Lê: 14,8 triệu USD, tăng 40,29 %
- + Campuchia: 13,67 triệu USD, giảm 57%



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

III. THUẬN LỢI, THÁCH THỨC NGÀNH CHẾ BIẾN LÂM SẢN

1. Thuận lợi

- Sản phẩm gỗ Việt Nam tiêu thụ trên 120 QG và VLT
- Trong 4.500 DNCB gỗ, có 58,6% sản xuất sản tiêu thụ nội địa hoặc gia công cho DN xuất khẩu, sẵn sàng tham gia sản xuất, xuất khẩu
- Thị trường Gỗ và SPG còn nhiều dư địa phát triển (Thị trường Gỗ và SPG năm 2018, hơn 160 tỷ USD, tăng trưởng bình quân từ 3-5%/năm).
- Thực hiện các hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt Hiệp định CPTTP, Hiệp định VPA/FLEGT thuế xuất, nhập khẩu gỗ và SPG cắt giảm hoặc xóa bỏ; cùng với nỗ lực của Chính phủ cải thiện môi trường kinh doanh, chính sách tiền tệ, tỷ giá, lãi suất ổn định giúp ngành chế biến lâm sản có điều kiện phát triển.



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

2. Một số thách thức

- Một số nước thực hiện chặt chẽ về đảm bảo gỗ hợp pháp, gỗ có chứng chỉ QLRBV trong chế biến, sản xuất sản phẩm gỗ như: Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc.
- Chưa hình thành được hệ thống phân phối hàng hóa ở trong và ngoài nước; chưa tạo dựng được thương hiệu uy tín cho sản phẩm gỗ Việt.
- Liên kết giữa DNCB, xuất khẩu với người trồng rừng chưa phát triển;
- Các vật liệu phụ trợ quan trọng cho chế biến gỗ như các loại sơn, keo... vẫn phải nhập khẩu, làm tăng giá thành sản xuất và giảm giá trị gia tăng của sản phẩm.



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

- Thiết kế và thương mại sản phẩm đồ gỗ chưa phát triển, chưa xây dựng được kênh phân phối sản phẩm, thương hiệu của ngành gỗ, thiếu trung tâm thương mại phục vụ quảng bá sản phẩm.
- Do rừng khai thác ở tuổi non, trồng rừng thâm canh chưa phát triển dẫn đến chất lượng gỗ nguyên liệu rừng trồng trong nước còn thấp, đường kính nhỏ, chủ yếu phục vụ sản xuất dăm gỗ,
- Xuất hiện một số doanh nghiệp gian kê khai xuất xứ sản phẩm hàng hóa để lẩn tránh thuế làm ảnh hưởng đến các doanh nghiệp làm ăn chân chính.



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LÂM SẢN

- Bền vững, hiệu quả, hiện đại trên cơ sở hội nhập sâu vào thị trường khu vực và toàn cầu; sử dụng nguyên liệu gỗ hợp pháp; ứng dụng công nghệ tiên tiến và thiết bị hiện đại, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường trong sản xuất.
- Trong 10 năm tới, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam; một trong những nước chế biến, xuất khẩu lâm sản có thương hiệu uy tín hàng đầu trên thế giới.
- Kim ngạch xuất khẩu lâm sản năm 2019 đạt 11 tỷ USD; năm 2020 đạt 12 đến 13 tỷ USD; năm 2025 đạt 18 đến 20 tỷ USD; tăng tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm chế biến sâu có thương hiệu Việt Nam.



IV. GIẢI PHÁP

1. Về thể chế, chính sách

- Triển khai thực hiện Luật Lâm nghiệp
- Tiếp tục xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn Luật

2. Về nguyên liệu

- Đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn, gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền
- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gỗ nguyên liệu, từ chọn, tạo giống, kiểm soát, đảm bảo chất lượng giống cho trồng rừng, đến trồng rừng thâm canh, chăm sóc rừng, khai thác gỗ
- Nhân rộng mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa người trồng rừng và doanh nghiệp chế biến.
- Đẩy nhanh phê chuẩn Hiệp định VPA/FLEGT với EU, đàm phán với một số quốc gia để công nhận lẫn nhau về gỗ hợp pháp.



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

3. Về khoa học công nghệ

Đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện môi trường, công nghệ 4.0 trong chế biến lâm sản, xuất khẩu.

4. Về phát triển nguồn nhân lực

- Ưu tiên phát triển các trung tâm nghiên cứu, đào tạo đầu ngành để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao;
- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp và các trường, trung tâm đào tạo.



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY

5. Về phát triển thị trường

- Xây dựng và quảng bá thương hiệu lâm sản Việt Nam;
- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường, tiêu chuẩn sản phẩm lâm sản,
- Đẩy mạnh thương mại điện tử lâm sản
- Triển khai và thực hiện các hiệp định FTA đã ký kết, chú trọng hơn nữa thị trường trong nước; tập trung ưu tiên nguồn lực cho các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, đầu tư các trung tâm triển lãm quy mô lớn.

6. Đảm bảo kinh doanh hợp pháp

- Kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy định về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.



TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

VIETNAM ADMINISTRATION OF FORESTRY



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN./.